

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

(Giấy đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 25/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/10/2017)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

Địa chỉ: Bản Chu Va 12, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0213.6506868

Fax: 0213.6506868

Website: <http://songda702.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3934 3888

Fax: (024) 3934 3999

Người được ủy quyền công bố thông tin:

Ông: Lê Văn Cường

- Chức vụ: Chuyên viên

Số điện thoại: 0986721853

- Fax:

Lai Châu, tháng 5 năm 2018

MỤC LỤC

I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
1.1	Giới thiệu về Tổ chức đăng ký giao dịch	6
1.2	Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	7
1.3	Quá trình hình thành và phát triển.....	8
1.4	Quá trình tăng vốn của công ty:	9
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	11
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	12
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	13
4.1	Cơ cấu cổ đông tại ngày 13/10/2017.....	13
4.2	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	14
4.3	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	15
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	15
5.1.	Danh sách công ty mẹ	15
5.2.	Danh sách công ty con.....	15
5.3.	Danh sách công ty liên kết.....	15
6.	Hoạt động kinh doanh chính của Công ty	15
6.1.	Hoạt động kinh doanh chính.....	15
6.2.	Nguyên vật liệu	17
6.3.	Chi phí sản xuất.....	18
6.4.	Trình độ công nghệ	19
6.5.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ:	19
6.6.	Hoạt động Marketing.....	19
7.	Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ.....	20
8.	Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện	20
9.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	20
10.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	21
11.	Chính sách đối với người lao động	22
11.2	Chính sách đối với người lao động	22
12.	Chính sách cổ tức	23
13.	Tình hình tài chính	23
13.1	Các chỉ tiêu cơ bản	23
13.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	25
14.	Tài sản	26

15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	27
15.1	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	27
15.2	Căn cứ để đặt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....	27
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch.....	27
17.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	27
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	28
II.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT	28
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	28
2.	Thành viên Ban Kiểm soát.....	31
3.	Thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	34
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty.....	9
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 13/10/2017.....	14
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 13/10/2017.....	14
Bảng 4: Doanh thu chi tiết từng nhóm sản phẩm, dịch vụ.....	17
Bảng 5: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty.....	17
Bảng 6: Chi phí sản xuất.....	18
Bảng 7: Bảng kê năng lực thiết bị thi công.....	19
Bảng 8: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện.....	20
Bảng 9: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của CTCP Sông Đà 7.02.....	20
Bảng 10: Cơ cấu tổ chức lao động đến 31/12/2017 của Công ty CP Sông Đà 7.02.....	22
Bảng 11: Mức lương bình quân qua các năm của Công ty CP Sông Đà 7.02.....	22
Bảng 12: Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước.....	23
Bảng 13: Bảng trích lập các quỹ.....	24
Bảng 14: Cơ cấu nợ vay.....	24
Bảng 15: Các khoản phải thu.....	24
Bảng 16: Các khoản phải trả.....	25
Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	25
Bảng 18: Giá trị TSCĐ hữu hình chủ yếu tại thời điểm 31/12/2017.....	26
Bảng 19: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	26
Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo của Công ty.....	27

CÁC KHÁI NIỆM

BKS	: Ban kiểm soát
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
S72	: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
DTT	: Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
PSI	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Tổ chức đăng ký giao dịch

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02**
Tên tiếng Anh: Song Da 7.02 Hydroelectric Joint Stock Company
Tên viết tắt: SD NO 7.02.,JSC
Vốn điều lệ đăng ký: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân Đức** – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ngày trở thành công ty đại chúng: 02/06/2010.
Trụ sở chính: Bản Chu Va 12, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
Điện thoại: (0213) 6506868
Fax: (0213) 6506868
Website: www.songda702.com.vn



Logo Công ty:

Giấy đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 25/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/10/2017.

Ngành nghề kinh doanh chính: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, thông tin, đường dây và trạm biến áp đến 500KV, hầm lò, đường hầm, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Khoan phun, khoan phụt, gia cố nền móng, địa chất công trình)
- Đầu tư sản xuất kinh doanh điện năng
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành điện
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng
- Trồng rừng và cây dược liệu, nuôi trồng thủy sản
- Xây dựng và kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao
- Vận hành và kinh doanh các dịch vụ phục vụ tòa nhà, văn phòng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (bằng phương pháp khoan, nổ mìn)

- Chế biến nông lâm sản, Sản xuất giấy
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất, gia công lắp đặt các sản phẩm cơ khí điện
- Hoạt động dịch vụ tài chính(đầu tư tài chính, ủy thác đầu tư)
- Giám sát thi công công trình xây dựng
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Khai thác đá
- Khai thác cát, sỏi
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

Tên chứng khoán	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02
Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	: S72
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch	: 12.000.000 cổ phiếu
Tỷ lệ số cổ phần đăng ký giao dịch trên tổng số cổ phần đã phát hành	: 100%
Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch	: 6.000.000 cổ phần, tương ứng với 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02
Danh sách các cổ đông và số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	:

Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Lý do hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
CTCP Thủy điện Cao nguyên – Sông Đà 7	5800519428 – do Sở KH&ĐT Lâm Đồng cấp ngày 03/08/2016	Xã Đưng Knó - Lạc Dương - Lâm Đồng	Phát hành riêng lẻ	Từ ngày 20/09/2017 tới hết ngày 19/09/2018	1.920.000
CTCP Sông Đà 7.04	5500296523 – do Sở KH&ĐT Sơn La cấp ngày 28/07/2016	TT Ít Ong - huyện Mường La - Sơn La	Phát hành riêng lẻ	Từ ngày 20/09/2017 tới hết ngày 19/09/2018	4.080.000
Tổng cộng					6.000.000

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài : Tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư hướng dẫn số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/10/2017 để thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch Upcom, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0% vốn điều lệ Công ty.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang công ty cổ phần từ năm 2004, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000047 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/11/2004 với số vốn điều lệ là: 5.000.000.000 đồng.

Ngày 5/11/2009, Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 hợp nhất với Công ty cổ phần thủy điện Nậm Thi thành CTCP Thủy điện Nậm Thi – Sông Đà 7, đến 28/04/2011 Công ty đổi tên lại thành Công ty cổ phần Sông Đà 7.02. Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng thủy điện, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng,... Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 hiện là chủ đầu tư dự án Thủy điện Nậm Thi.

Ngày 02/06/2010, Công ty chính thức được UBCK chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1611/UBCK-QLPH của UBCKNN.

Ngành nghề truyền thống của Công ty là xây dựng thủy điện, xây dựng dân dụng và công nghiệp, sản xuất đá dăm, cát nhân tạo, sản xuất vữa bê tông, các loại VLXD khác.

Năm 2009 Công ty chuyển trụ sở từ Hòa Bình đến Lai Châu. Công ty đang đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi – tỉnh Lai Châu (02 bậc) có công suất 18MW (Nậm Thi 1: 10MW; Nậm Thi 2: 8MW).

Hiện tại, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5400232452 (đăng ký thay đổi lần thứ 17) do Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày ngày 10/10/2017 với quy mô vốn điều lệ 120 tỷ đồng.

Ngày 20/12/2017, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 229/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 12.000.000 cổ phiếu.

1.4 Quá trình tăng vốn của công ty:

Trong quá trình hoạt động, Công ty tiến hành 06 (sáu) lần tăng vốn, cụ thể như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Số vốn tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Lần 1: Tháng 04/2007	5.000.000.000	5.000.000.000	Chào bán cho CĐ hiện hữu, tỷ lệ phát hành 1:1. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. Chào bán cho các cổ đông khác với mệnh giá 25.000 đồng/cổ phần	NQ ĐHCĐ thường niên năm 2007 ngày 29/03/2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 số 2503000047 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/05/2007.
(*)Lần 2: Tháng 04/2008	10.000.000.000	5.000.000.000	Chào bán ra công chúng. Phát hành cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phát hành: 1:1,95. Phát hành cho người lao động mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.	NQ số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/3/2008 của ĐHCĐ thường niên năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 06 số 2503000047 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 22/08/2008.
Lần 3: Tháng 11/2009	15.000.000.000	6.056.666.658	Hợp nhất Công ty	NQ ĐHCĐ năm 2009 số: 01NQ-CT/ĐHĐCĐ ngày 18/04/2009, Hợp đồng hợp nhất, Biên bản xác định giá trị tài sản và vốn góp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 số 5400232452 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 05/11/2009.
(**)Lần 4: Tháng 10/2010	21.056.666.658	29.627.943.342	Chào bán ra công chúng, giá phát hành 10.000 đồng/01 cổ phần Chào bán ra công chúng	NQ số: 59CT/HĐQT ngày 19/10/2010 (Công văn số 4250/UBCK-QLPH ngày 27/12/2010 của UBCK NN).

				Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 số 5400232452 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 05/08/2010.
(***)Lần 5 Tháng 01/2011	50.684.610.000	9.315.390.000	Chào bán riêng lẻ. Giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.	NQ ĐHĐCĐ số: 77CT/HĐQT ngày 30/12/2010 thông qua việc chào bán riêng lẻ cổ phần; Chấp thuận của UBCK ngày 25/01/2011 về việc nhận đầy đủ tài liệu phát hành. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 5400232452 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 28/04/2011.
Lần 6 Tháng 04/2017	60.000.000.000	60.000.000.000	Chào bán riêng lẻ. Giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.	NQ ĐHĐCĐ năm 2017 ngày 18/04/2017 thông qua việc chào bán riêng lẻ cổ phần. Công văn số 5945/UBCK-QLCB ngày 01/09/2017 của UBCK NN về việc nhận đầy đủ Hồ sơ và Công văn số 6431/UBCK-QLCB ngày 26/09/2017 của UBCK NN về kết quả chào bán. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 số 5400232452 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 10/10/2017.

Nguồn: CTCP Sông Đà 7.02

(*) Trong đợt phát hành lần 2:

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/3/2008 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2008, Công ty đã thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phát hành: 1:1,95; Phát hành cho người lao động mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tuy nhiên đợt phát hành này không thành công nên Công ty chỉ phát hành thêm được 5.000.000.000 đồng.

() Về lần phát hành thứ 4:**

Do không am hiểu luật chứng khoán nên Công ty chưa thực hiện đầy đủ thủ tục phát hành, UBCK đã có Công văn số 3089/UBCK-TT ngày 29/9/2010 về việc vi phạm Luật Chứng khoán, Công ty đã

thực hiện xin ý kiến của Đại hội cổ đông để thống nhất về phương án phát hành đồng thời Công ty đã thực hiện gửi công văn số 137 CT/TCHC ngày 20/10/2010 giải trình về việc huy động góp đủ vốn điều lệ, vì vậy trong lần tăng vốn này công ty không có báo cáo kết quả tăng vốn gửi UBCKNN.

(*) Về lần phát hành thứ 5:**

Sau đợt phát hành tăng vốn lần 4, tính đến thời điểm 30/06/2010 số vốn thực góp là 50,68 tỷ đồng theo kế hoạch góp vốn và đối chiếu với vốn điều lệ, đăng ký kinh doanh còn 9,3 tỷ đồng chưa huy động được. Công ty đã gửi Công văn số: 186 CT/TCHC ngày 20/10/2010 Báo cáo UBCKNN việc huy động góp đủ vốn điều lệ và Công văn số: 63/2010/HĐQT về việc nộp hồ sơ đăng ký phát hành riêng lẻ.

Ngày 06/12/2010 UBCKNN gửi Công văn số 4003/UBCK-QLPH về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ, Công ty đã gửi Công văn số 68/2010/HĐQT cam kết của công ty việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phát hành tăng vốn.

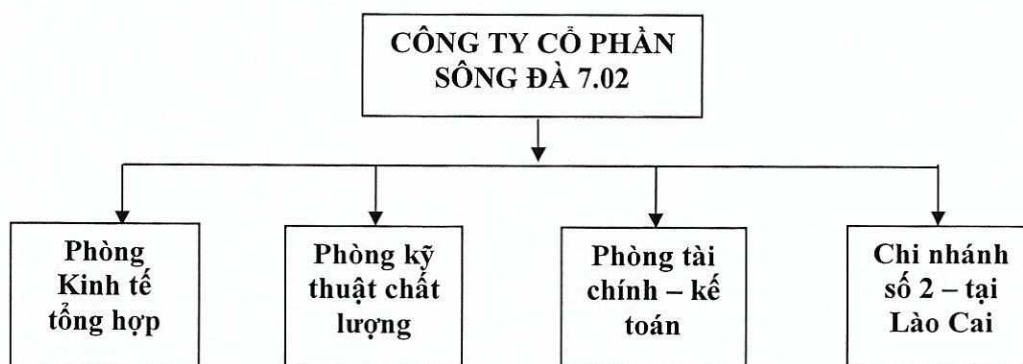
Ngày 27/12/2010 UBCK gửi Công văn số 4250/UBCK-QLPH V/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ, Công ty đã thực hiện theo công văn của UBCKNN xin ý kiến cổ đông bằng văn bản cụ thể Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 77/CT/HĐQT ngày 30/12/2010.

Ngày 25/1/2011 UBCKNN đã có thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo đăng ký chào bán cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược của Công ty, trong lần tăng vốn này công ty không có báo cáo kết quả tăng vốn gửi UBCKNN.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại Công ty



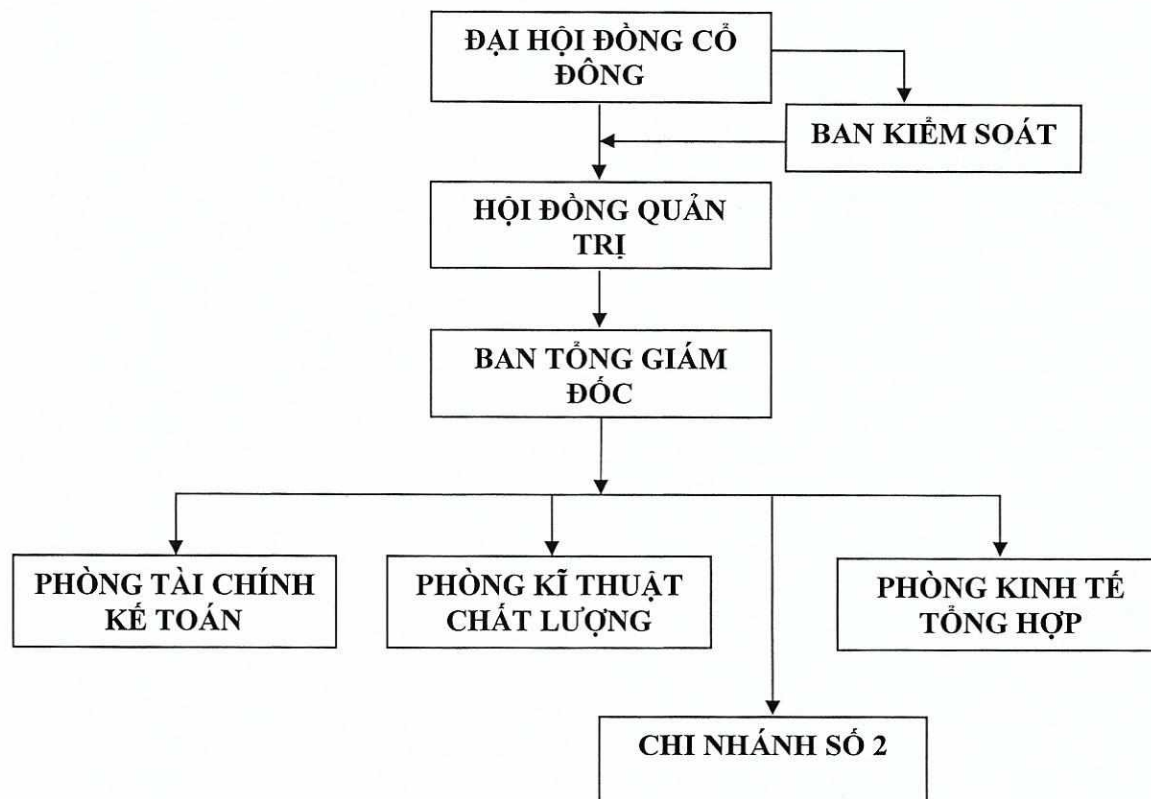
Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Kể từ khi cổ phần hóa cho đến nay, Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 tiếp tục duy trì mô hình tổ chức

các chi nhánh trực thuộc và các Ban quản lý. Hiện nay, Công ty thu gọn các Chi nhánh trực thuộc để tập trung công tác đầu tư xây dựng một số dự án nhà máy thủy điện nhỏ tại vùng Tây Bắc, còn lại 01 Chi nhánh trực thuộc (Chi nhánh số 2 tại Lào Cai).

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 bao gồm:



Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.
- ❖ **Hội đồng Quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên của Hội đồng quản trị không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 có 03 thành viên, nhiệm kỳ của mỗi thành viên là 5 năm.
- ❖ **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ là 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính của Công ty.
- ❖ **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 gồm có 03 thành viên, trong đó có Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành

hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác.

❖ **Các phòng ban:**

Phòng Tài chính Kế toán: Là phòng nghiệp vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh bao gồm các lĩnh vực:

- Công tác tài chính, tín dụng;
- Công tác kế toán, thống kê;
- Thông tin tài chính kinh tế.

Phòng Kỹ thuật chất lượng: Là phòng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh bao gồm các lĩnh vực:

- Công tác xây dựng, quản lý kế hoạch;
- Công tác quản lý đầu tư;
- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công;
- Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- Công tác thi công, an toàn;
- Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật và sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Công tác quản lý vật tư, phụ tùng;
- Công tác quản lý cơ giới;

Phòng Kinh tế Tổng hợp: Là phòng nghiệp vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh bao gồm các lĩnh vực:

- Công tác xây dựng, quản lý kế hoạch, đơn giá kinh tế;
- Công tác quản lý kinh tế;
- Công tác quản lý đầu tư;
- Công tác tổ chức, đào tạo;
- Chế độ, chính sách với người lao động
- Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật
- Công tác văn phòng, hành chính, đời sống.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1 Cơ cấu cổ đông tại ngày 13/10/2017

Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tại ngày 13/10/2017:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 13/10/2017

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đồng (người)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	489	12.000.000	100%
1	Tổ chức	3	10.177.406	84,81%
2	Cá nhân	486	1.822.594	15,19%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng^{(I)+(II)+(III)}		489	12.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 13/10/2017 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 13/10/2017 như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 13/10/2017

STT	Tên cổ đông	Số CMTND/Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần Sông Đà 7	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400105091, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/03/2016 (đăng ký lần đầu số 22403000081 ngày 29/12/2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.	Tiểu khu 5, Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	4.177.406	34,81
2	Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 27/06/2016 (đăng ký lần đầu số 2403000161 ngày 29/04/2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.	TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	4.080.000	34,00
3	Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7	5800519428 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/8/2016 (Đăng ký lần đầu	Thôn Lán Tranh, Xã Đưng K'no', huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đông	1.920.000	16,00

STT	Tên cổ đông	Số CMTND/Giấy chứng nhận ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
		ngày 02/02/2007) do Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng cấp			
Tổng cộng				10.177.406	84,81

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 13/10/2017 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

CTCP Sông Đà 7.02 thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh CTCP số 5400232452 cấp lần đầu ngày 25/11/2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp và Giấy chứng nhận ĐKDN số 5400232452 (đăng ký thay đổi lần thứ 17) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp ngày 10/10/2017. Đến nay cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

5.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

5.2. Danh sách công ty con

Không có

5.3. Danh sách công ty liên kết

- **Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà – Hoàng Liên**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300239528 do Sở KHĐT tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 29/11/2007.
- Trụ sở chính: Bản Dền - Xã Bản Hồ - Huyện Sa Pa - Lào Cai
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp.
- Số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty liên kết (tính đến ngày 31/12/2017): 159.800 cổ phiếu, chiếm 10,81% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà – Hoàng Liên. (Quyền biểu quyết của Công ty là 36,67% bao gồm cả số cổ phần thể nhân ủy thác là 140.200 cổ phần).
- Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà – Hoàng Liên đã tạm ngừng hoạt động, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để làm cơ sở trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

6. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

6.1. Hoạt động kinh doanh chính

a) Hoạt động xây lắp :

Hoạt động xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi,... Công ty tập trung chủ yếu vào công tác xây lắp xây dựng các công trình lớn và trọng điểm của Nhà nước như thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu...

b) Hoạt động sản xuất công nghiệp

Là các sản phẩm đá nguyên liệu, được khai thác dưới dạng thô, kích thước lớn từ thiên nhiên. Sau đó, chúng được đưa vào chế biến qua dây chuyền nghiền sàng của Công ty và trở thành các nguyên liệu phục vụ cho ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng. Các sản phẩm điển hình là:

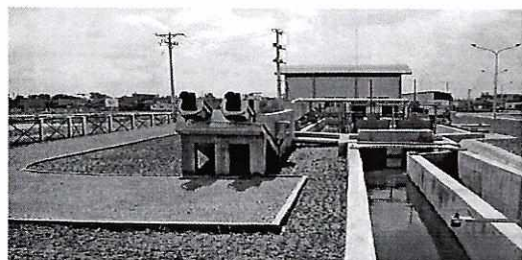
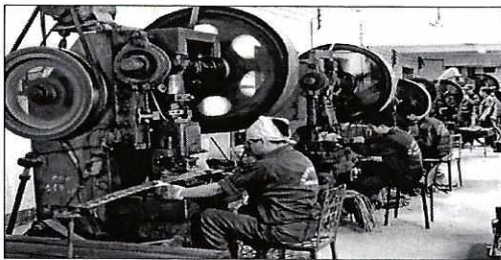
- ✓ Cát, đá, sỏi, thành phẩm các loại;
- ✓ Bê tông thương phẩm các loại....

c) Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện

Công ty hiện đang đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, Cụ thể:

- ✓ Đang thực hiện đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nậm Thi tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu với công suất là 18MW;
- ✓ Khảo sát, lập dự án đầu tư công trình cụm thủy điện Nậm Đích tại huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu với công suất dự kiến là 21,3MW;
- ✓ Khảo sát, lập dự án đầu tư công trình cụm thủy điện Vàng Ma Chải tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu với công suất dự kiến là 11,3MW;

Tuy nhiên hiện nay Công ty đang tạm dừng các hoạt động khác để tập trung vào công tác đầu tư xây dựng, thi công Dự án Thủy điện Nậm Thi tại Lai Châu. Trong năm một số doanh thu hoạt động chuyển nhượng ca máy, vật tư và tiền điện sản xuất của Công ty rất nhỏ chưa có lợi nhuận.



Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Dự án thủy điện Nậm Thi

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02
- Giấy phép đầu tư số: 23121000036 do UBND tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 10/10/2007 và cấp điều chỉnh lần thứ hai ngày 29/05/2015.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lai Châu
- Tổng mức vốn đầu tư chưa điều chỉnh năm 2016: 571 tỷ đồng
- Hiệu quả của dự án:

- Các ưu đãi về thuế đang được áp dụng: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 23121000036 điều chỉnh và Quyết định số: 1345/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Nội dung ưu đãi:
 - ✓ Được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian 15 năm
 - ✓ Được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo
 - ✓ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng, miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo tính từ thời điểm có doanh thu phát điện.
 - ✓ Miễn thuế nhập khẩu thiết bị của nhà máy để tạo tài sản cố định
 - ✓ Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới.

Tiến độ thực hiện của dự án:

- Đến thời điểm hiện tại Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (8MW) đã hoàn thành trên 95% khối lượng công việc, đang hoàn thiện nốt các công việc còn lại và hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đưa vào vận hành phát điện trong tháng 06 năm 2018. Nhà máy Nậm Thi 1 (10MW) đang được triển khai đầu tư theo kế hoạch sau khi hoàn thành Nhà máy Nậm Thi 2, ước tính đạt 10% khối lượng các công việc.

d) Doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ

Bảng 4: Doanh thu chi tiết từng nhóm sản phẩm, dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu hoạt động xây lắp	267.935.780	6.234.330.045
2	Doanh thu hoạt động chuyển nhượng vật tư, ca máy	4.173.857.209	3.011.424.233
	Tổng	4.441.792.989	9.245.754.278

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

6.2. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

Bảng 5: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty

STT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp	Mục đích sử dụng
1	Thép	Công ty TNHH SX & TM VINASAN Công ty CP xây lắp và dịch vụ thương mại Tiền Thành	Lắp dựng cốt thép các loại
2	Vữa bê tông thương phẩm	CTCP Sông Đà 7.04	Đổ bê tông
3	Xi măng	Công ty cổ phần kinh doanh xi măng Miền Bắc	Sản xuất bê tông
4	Phụ gia	CTCP XDTM Delta Việt Nam	Sản xuất bê tông

5	Đá dăm, cát	CTCP Licogi 13, các Công ty khác	Sản xuất bê tông
6	Thuê máy móc thiết bị	Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	Thi công xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Công ty thường chủ động với các nguồn vật tư, nguyên vật liệu do hoạt động sản xuất kinh doanh được lên kế hoạch trước. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp chính cho công ty đều là những công ty ở trên cùng địa bàn hoạt động, các công ty trong cùng Tổng công ty Sông Đà, đã có nhiều năm hợp tác gắn bó và rất có uy tín nên nguồn nguyên vật liệu khá ổn định.

c) Ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Công ty hoạt động của chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp trong đó sắt thép, xi măng là các nguyên vật liệu chủ yếu chiếm tỷ trọng cao nhất trong giá thành xây lắp. Trong những năm gần đây, giá cả các nguyên vật liệu phục vụ cho xây lắp thường có xu hướng tăng mạnh vào thời điểm cuối năm do đây là thời gian cao điểm về nhu cầu xây dựng, sửa chữa, trang trí nhà cửa ở Việt Nam. Việc tăng giá các nguyên vật liệu này sẽ làm cho chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng cao nếu như Công ty không dự báo trước được nhu cầu thị trường và sự biến động giá, khiến cho lợi nhuận của công ty có thể bị suy giảm. Do vậy, Công ty thường xuyên có những phân tích, dự báo thị trường, lập kế hoạch mua nguyên vật liệu một cách chủ động nhằm mục đích hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên vật liệu vào những thời điểm nóng của thị trường.

Ngoài yếu tố mùa vụ, nguyên vật liệu đầu vào có thể biến động xuất phát từ các yếu tố cung cầu trên thị trường thế giới, điều này rất khó để công ty xác định được trước. Để khắc phục nhược điểm này, Công ty thường ký kết các hợp đồng xây lắp với chủ đầu tư trong đó có điều khoản điều chỉnh đơn giá thi công theo trượt giá của nguyên vật liệu đầu vào. Khi giá nguyên liệu đầu vào tăng (chủ yếu là xi măng và sắt thép) thì doanh nghiệp được quyền điều chỉnh đơn giá thanh toán tăng với chủ đầu tư theo tỷ lệ trượt giá.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 6: Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	% so với DTT	Giá trị	% so với DTT
1	Giá vốn hàng bán	4.700.481.989	105,82	10.244.925.798	110,81
2	Chi phí tài chính	-	-	-	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.000.000	1,24	103.454.546	1,12
4	Chi phí khác	29.949.233	0,67	297.361.000	3,22

	Tổng	4.785.431.222	107,74	10.645.741.344	115,14
--	-------------	----------------------	---------------	-----------------------	---------------

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

6.4. Trình độ công nghệ

Máy móc và thiết bị của Công ty tương đối hiện đại và tương đương với công nghệ của các công ty trong nhóm Công ty Cổ phần Sông Đà 7 cũng như trong ngành xây dựng. Đa phần các máy móc thiết bị của Công ty đều có công nghệ xuất xứ từ Mỹ, Nhật Bản, Nga, Đức, Pháp,... chủ yếu được đầu tư mới từ những năm 2010-2011. Nhìn chung, máy móc thiết bị của Công ty có thể hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm tới.

Bảng 7: Bảng kê năng lực thiết bị thi công

TT	Tên thiết bị	SL	Công suất thực tế so với thiết kế	Năm chế tạo	Nước sản xuất
1	Trạm biến áp 180KVA – 35/0,4KV	01	100%	2010	Việt Nam
2	Máy photocopy TASKLFA – 220	01	100%	2010	Nhật Bản

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

Hiện nay, Công ty đang nghiên cứu để áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Từ trước tới nay, Công ty vẫn thực hiện duy trì và cải tiến quản lý chất lượng bằng văn bản phù hợp với tiêu chuẩn riêng do Công ty đặt ra.

6.6. Hoạt động Marketing

Để hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn, Công ty ngày càng chú trọng đến công tác Marketing. Cụ thể là, Công ty đã thành lập 2 bộ phận sau: bộ phận Thị trường và bộ phận Chăm sóc khách hàng:

- ❖ Bộ phận Thị trường có các nhiệm vụ:
 - Nghiên cứu thông tin về thị trường xây lắp, thị trường nguyên vật liệu và thông tin liên quan;
 - Xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn phát triển;
 - Tìm kiếm khách hàng và đối tác;
- ❖ Bộ phận Chăm sóc khách hàng có các nhiệm vụ:
 - Liên hệ với các ban ngành hữu quan hỗ trợ khách hàng các giấy tờ, hồ sơ pháp lý.
 - Tiếp nhận các thông tin phản hồi từ phía khách hàng
 - Tập hợp nghiên cứu và trực tiếp giải quyết các ý kiến của khách hàng;
 - Liên hệ với các đơn vị, phòng ban liên quan để giải quyết các yêu cầu chính đáng của khách hàng;

7. Nhân hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ



Nhãn hiệu Công ty:

Biểu tượng logo của Tổng công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/2/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

8. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

Bảng 8: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

STT	Tên Hợp đồng/Dự án	Tổng giá trị
1	Hợp đồng xây lắp – Công trình thủy điện Sơn La	126.000.000.000
2	Hợp đồng xây lắp – Công trình thủy điện Bản Chát	87.379.300.000
3	Hợp đồng xây dựng thủy điện Nậm Thi	132.625.066.000
4	Hợp đồng lắp đặt thiết bị cơ điện - Thủy điện Nậm thi	50.712.750.000
5	Hợp đồng thiết bị cơ khí thủy công – Thủy điện Nậm Thi	16.989.000.000
	Tổng cộng	413.706.116.000

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 9: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của CTCP Sông Đà 7.02

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	109.151.493.972	237.871.266.703	117,9
2	Vốn chủ sở hữu	56.019.502.907	114.739.970.386	104,8
3	Doanh thu thuần	4.441.792.989	9.245.754.278	108,2
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(313.689.000)	(1.102.626.066)	-
5	Lợi nhuận khác	(29.949.233)	(46.906.455)	-

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
6	Lợi nhuận trước thuế	(343.638.233)	(1.149.532.521)	-
7	Lợi nhuận sau thuế	(343.638.233)	(1.149.532.521)	-
8	Giá trị sổ sách	9.336	9.562	2,4

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

✦ **Cơ sở ý kiến kiểm toán loại trừ tại BCTC CTCP Sông Đà 7.02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 (đã được kiểm toán):** Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà – Hoàng Liên (đang tạm ngừng hoạt động) để xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư có giá trị là 1,598 tỷ đồng. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải nêu Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục dẫn đến chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến loại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, Chúng tôi vẫn không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn này hay không.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang theo dõi công nợ phải thu khách hàng với Công ty Cổ phần Sông Đà – Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2) liên quan thi công công trình thủy điện Sứ Pán chưa được quyết toán. Bằng các thủ tục thay thế đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này tại ngày 31/12/2017 hay không.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 là doanh nghiệp có thế mạnh trong ngành xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình kỹ thuật, sản xuất khai thác chế biến cát, đá, sỏi,..., sản xuất bê tông thương phẩm các loại, đầu tư và xây dựng các công trình thủy điện. Ngoài việc tham gia thi công nhiều dự án thủy điện lớn như Công trình thủy điện Sơn La, Công trình Thủy điện Sứ Pán II, Công trình Thủy điện Bản Chát, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 còn là chủ đầu tư của Dự án xây dựng Công trình Thủy điện Nậm Thi. Qua đó cũng có thể thấy được rằng Công ty có một vị thế khá cao trong ngành đầu tư và xây lắp các công trình thủy điện ở Việt Nam.

10.2 Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu tiêu thụ điện tăng nhanh hơn tổng công suất nguồn điện, mang lại lợi thế cho bên cung. Tiêu thụ điện cả nước tăng 8,5% trong nửa đầu năm và dự kiến còn cao hơn nữa trong nửa cuối năm nay, khi Chính phủ đã thể hiện quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng GDP trong 2 quý cuối năm 2017, cho thấy nhu cầu điện từ nền kinh tế sẽ còn tiếp tục tăng lên. Trong khi đó, tổng công suất nguồn điện theo kế hoạch của EVN chỉ tăng 3,9% trong năm 2017. Vì vậy có thể coi đây là diễn biến có lợi cho bên cung trên thị trường điện.

Với việc thị trường bán buôn điện cạnh tranh sẽ đi vào hoạt động trong năm 2019, một số nguồn thông tin nhận xét rằng giá trần trên thị trường cạnh tranh vào năm 2019 sẽ có cách tính mới cao hơn giá trần hiện nay. Điều này sẽ có ảnh hưởng tích cực tới doanh thu của các nhà máy tham gia thị trường điện cạnh tranh.

Nhìn chung, hợp đồng mua bán điện với EVN là một yếu tố đặc trưng của các công ty trong ngành sản xuất điện và sẽ giúp đảm bảo dòng tiền ổn định từ HĐKD cho các công ty trong ngành trong các năm tới.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng số lao động của Công ty là: 60 CBCNV với cơ cấu phân theo: trình độ lao động, loại hợp đồng lao động được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 10: Cơ cấu tổ chức lao động đến 31/12/2017 của Công ty CP Sông Đà 7.02

Phân loại lao động	Số lượng người
Phân theo trình độ lao động	
Lao động có trình độ đại học và trên đại học	20
Lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng	05
Lao động có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	32
Lao động có trình độ phổ thông	3
Tổng	60
Phân loại theo loại hợp đồng lao động	
Lao động xác định thời hạn từ 1-3 năm	8
Lao động không xác định thời hạn	47
Lao động thời vụ	05
Lao động thử việc	
Tổng	60

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

11.2 Chính sách đối với người lao động

Chính sách đối với người lao động: Công ty áp dụng các quy định, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, ký kết hợp đồng lao động nhằm đảm bảo quyền lợi người lao động và tuân thủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực trong cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

Bảng 11: Mức lương bình quân qua các năm của Công ty CP Sông Đà 7.02

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.397.626	9.338.161	9.765.830

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

12. Chính sách cổ tức

Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm được ĐHĐCĐ quyết định từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Năm 2016, và 2017 Công ty tạm dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh khác, chỉ tập trung cho công tác đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Nậm Thi (Dự kiến sẽ đưa vào vận hành phát điện trong Quý 2/2018) do vậy chưa có lợi nhuận nên Công ty không thực hiện chi trả cổ tức trong hai năm này.

13. Tình hình tài chính

13.1 Các chỉ tiêu cơ bản

13.1.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Máy móc thiết bị:	12 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý:	05 năm

13.1.2 Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

13.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Bảng 12: Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	3.142.551.708	361.997.966

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

13.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập các quỹ phù hợp với quy định của Bộ tài chính và điều lệ Công ty. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 như sau:

Bảng 13: Bảng trích lập các quỹ*Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	245.094.580	174.294.580
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.649.085.439	1.649.085.439

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02***13.1.5 Tình hình công nợ****❖ Tổng dư nợ vay**

Tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017 Công ty có số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Bảng 14: Cơ cấu nợ vay*Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.448.000.000	1.500.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	33.165.788.052	96.314.500.455
	Tổng cộng	37.613.788.052	97.814.500.455

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

Từ năm 2016 Công ty triển khai đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi mới thực hiện vay vốn tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng để thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

❖ Các khoản phải thu:**Bảng 15: Các khoản phải thu***Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.190.282.914	35.129.618.692
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.873.810.600	48.542.867.662
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.918.513.326	1.898.946.625
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
	Tổng Cộng	44.982.606.840	85.571.432.979

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

❖ **Các khoản phải trả:****Bảng 16: Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017
I.	Nợ ngắn hạn	19.966.203.013	26.816.795.862
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.448.000.000	1.500.000.000
2	Phải trả người bán	7.414.888.275	18.375.920.121
3	Người mua trả tiền trước	12.269.000	12.269.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.142.551.708	361.997.966
5	Phải trả người lao động	539.642.796	1.733.310.291
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.720.968.627	2.258.268.389
7	Các khoản phải trả khác	2.442.788.027	2.400.735.515
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	245.094.580	174.294.580
II.	Nợ dài hạn	33.165.788.052	96.314.500.455
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	33.165.788.052	96.314.500.455
	Tổng Cộng	53.131.991.065	123.131.296.317

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

13.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,91	3,53
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,38	3,45
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,49	0,52
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,95	1,07
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	0,45	1,62
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,049	0,053
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(7,7)	(12,4)
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	(1,1)	(1,57)
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân	%	(0,6)	(0,7)
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(7,06)	(11,93)

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

14. Tài sản

❖ Tài sản cố định hữu hình

Giá trị TSCĐ hữu hình theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Bảng 18: Giá trị TSCĐ hữu hình chủ yếu tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	31/12/2017		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	534.960.908	106.965.472	20,0%
1	Máy móc thiết bị	501.960.908	106.965.472	21,3%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		-	-
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	33.000.000	-	-
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		534.960.908	106.965.472	20,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

❖ Tài sản dở dang dài hạn

Bảng 19: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Dự án	31/12/2016	31/12/2017
1	Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi 1	1.154.656.473	1.569.725.566
2	Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi 2	44.181.241.541	136.083.067.347
Tổng cộng		45.335.898.014	137.652.792.913

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Sông Đà 7.02

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
Vốn điều lệ	120.000.000.000	-	168.300.000.000	40%
Doanh thu thuần	10.606.281.000	15%	25.600.000.000	141%
Lợi nhuận sau thuế	(6.499.197.000)	-	(1.170.000.000)	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: CTCP Sông Đà 7.02

15.2 Căn cứ để đặt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Căn cứ để Công ty đưa ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Năm 2017 Công ty tạm dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp và các hoạt động SXKD khác, tập trung chủ yếu cho công tác đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Nậm Thi 2 tại Lai Châu để hoàn thành đưa vào vận hành phát điện cuối Quý II/2018, 06 tháng cuối năm 2018 có doanh thu phát điện nhưng trong thời gian chạy thử nghiệm và sản lượng điện thực hiện trong thời gian mùa mưa là chủ yếu nên doanh thu chưa cao, đồng thời lãi vay những năm đầu còn rất lớn, ... do vậy chưa có lợi nhuận trong năm 2018 và 2019.

Năm 2018 sau khi hoàn thành Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (công suất 8MW) Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 (công suất 10MW), đồng thời phải tăng vốn điều lệ để đáp ứng đủ tối thiểu 30% vốn tự có để phục vụ đầu tư và đối ứng vay vốn Ngân hàng cho dự án.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch

Không có.

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Hiện tại Công ty định hướng ưu tiên phát triển ngành sản xuất kinh doanh mũi nhọn của Công ty là tự đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành một số dự án thủy điện vừa và nhỏ, đảm bảo công việc sản xuất kinh doanh bền vững ổn định lâu dài.

Công ty xây dựng chiến lược phát triển bền vững chuẩn hóa trong hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, kiểm soát chi phí... chủ động đối phó và giảm thiểu rủi ro từ biến động thị trường cũng như từ hệ thống chính sách vĩ mô. Trong hoạt động kinh doanh, Công ty áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại kết hợp với tiêu chuẩn quản lý tiên tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao đáp ứng được yêu cầu khắt khe của khách hàng.

Công ty luôn chú trọng đến yếu tố con người trong chiến lược phát triển của mình. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Công ty áp dụng các chương trình đào tạo và huấn luyện kỹ năng cho người lao động, đồng thời xây dựng mối quan hệ lao động, môi trường làm việc chuyên nghiệp, tinh thần và thái độ làm việc nghiêm túc, tôn trọng kỷ luật lao động. Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông, đồng thời thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Hội đồng quản trị

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Bút	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Phạm Văn Toàn	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Nguyễn Xuân Đức	Thành viên HĐQT	Điều hành

1.1 Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Bút

Họ và tên : Nguyễn Văn Bút

Ngày sinh : 01/9/1958

Nơi sinh : Văn Phú – Thường Tín – Hà Tây

Số CMND : 113389811 do công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29/3/2007

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Đô thị Xa La – Phúc La – Hà Đông – Hà Nội.

Điện thoại : 0982047865

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác :

- ✓ 1985 – 1986 : Phó phòng Quản lý cơ giới – Công ty Sông Đà 7
- ✓ 1987 – 1989 : Phó quản đốc phân xưởng bê tông
- ✓ 1990 – 1993 : Phó giám đốc Xí nghiệp bê tông
- ✓ 1994 – 2001 : Trưởng phòng Quản lý cơ giới – Công ty Sông Đà 7
- ✓ 2002 đến 2013: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02
- ✓ 2013 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 7.02; Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7

Số lượng cổ phần nắm giữ : 2.066.415 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 7.200 cổ phần tỷ lệ: 0,06% vốn điều lệ Công ty.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Cty CP Sông Đà 7: 2.059.215 cổ phần tỷ lệ: 17,2% vốn điều lệ Công ty.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.2 Thành viên HĐQT Phạm Văn Toàn

Họ và tên : Phạm Văn Toàn

Ngày sinh : 23/02/1985

Nơi sinh : Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định

Số CMND : 162733731 - Do công an Nam Định - Cấp ngày 11/3/2003

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định

Địa chỉ thường trú : Số nhà 18/47 Trung Hành 6, P. Đằng Lâm, Q. Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại cơ quan : 0989207092

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

- ✓ 3/2008 – 12/2010 : Kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà

- ✓ 01/2011 – 12/2011 : Phó trưởng ban kỹ thuật Công ty CP tư vấn Sông Đà
- ✓ 01/2012 – 2/2014 : Trưởng ban kỹ thuật Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà
- ✓ 3/2014 – 9/2014 : Kỹ thuật phòng công nghệ Công ty cổ phần Sông Đà 7
- ✓ 10/2014 – 8/2016 : Phó phòng kỹ thuật phòng công nghệ Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ 9/2016 – nay : Phó Tổng Giám đốc CP Sông Đà 7.02, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.000.000 cổ phần.

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

• Được ủy quyền đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 7 : 1.000.000 cổ phần tỷ lệ: 8,3% vốn điều lệ Công ty.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Thù lao HĐQT và tiền lương PTGD

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.3 Thành viên Hội đồng quản trị Nguyễn Xuân Đức

Họ và tên : Nguyễn Xuân Đức

Ngày sinh : 22/5/1978

Nơi sinh : Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa

Số CMND : 112888833 do công an Hà Nội cấp ngày 23/6/2006

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú : Tổ 10, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 0979805026

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xây dựng

Quá trình công tác :

- ✓ 5/2003 – 7/2005 : Kỹ thuật phân xưởng nghiền sàng – Công ty CP Sông Đà 7
- ✓ 8/2005 – 10/2008 : Quản đốc phân xưởng nghiền sàng – Xí nghiệp Sông Đà 7.04
- ✓ 10/2008 – 02/2010 : Phó giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
- ✓ 3/2010 – 3/2012 : Giám đốc Công ty CP thủy điện Sập Việt

- ✓ 4/2012 – 5/2012 : Phó giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
- ✓ 6/2012 – 2/2016 : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
- ✓ 3/2016 – 4/2017 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
- ✓ 5/2017 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.000.131 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 131 cổ phần tỷ lệ: 0,001% vốn điều lệ Công ty.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 7: 1.000.000 cổ phần tỷ lệ: 8,3% vốn điều lệ Công ty.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Thù lao HĐQT và tiền lương TGD Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Quốc Thế	Trưởng ban
2	Lê Danh Độ	Thành viên
3	Nguyễn Cao Sơn	Thành viên

2.1 Trưởng Ban Kiểm soát Ngô Quốc Thế

Họ và tên : Ngô Quốc Thế

Giới tính : Nam.

Ngày sinh : 03/3/1981

Nơi sinh : Trảng An, Bình Lục, Hà Nam

Số CMND : 012172224 cấp ngày 29/3/2014 tại Hà Nội

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Trảng An, Bình Lục, Hà Nam

Địa chỉ thường trú : Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 0963054781

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán.

Quá trình công tác :

- ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7
- ✓ Từ 01/2006 – 07/2006: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 706 – Công ty cổ phần Sông Đà 7
- ✓ Từ 08/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7
- ✓ Từ 01/2008 đến 2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
- ✓ Từ 2016 Đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.04

Số lượng cổ phần nắm giữ : 131 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 131 cổ phần tỷ lệ: 0,001% vốn điều lệ Công ty.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Thù lao thành viên ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2 Thành viên Ban Kiểm soát Lê Danh Độ

Họ và tên : Lê Danh Độ

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 22/4/1984

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 111839736 – cấp ngày 26/10/2007 – CA Hà Nội

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Vân Canh – Hoài Đức – Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Vân Canh – Hoài Đức – Hà Nội

Điện thoại : 0972999550

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng

Quá trình công tác :

- ✓ 01/2008 - 06/2015 : Công tác tại Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ 6/2015 – nay: Trưởng phòng kinh tế Công ty cổ phần Sông Đà 7; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng kinh tế đầu tư Công ty CP Sông Đà 7

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.

•Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

•Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác : 0 cổ phần.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Thù lao thành viên ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.3 Thành viên Ban Kiểm soát Nguyễn Cao Sơn

Họ và tên : Nguyễn Cao Sơn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 30/8/1982

Nơi sinh : Phúc Thọ - Hà Nội

Số CMND : 111631612 - cấp ngày 25/4/2014 tại Hà Nội

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thiều Xuân – Viên Sơn – Sơn Tây – Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Thiều Xuân – Viên Sơn – Sơn Tây – Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 0981383863

Trình độ văn hóa : 12/12.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi, Thạc Sĩ xây dựng công trình thủy

Quá trình công tác :

- ✓ 07/2005 – 9/2010: Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang
- ✓ 9/2010 – 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật thi công BĐH thủy điện Lai Châu
- ✓ 11/2011 – 6/2015: Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ – Công ty cổ phần Sông Đà 7
- ✓ 6/2015 – nay : Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ – Công ty cổ phần Sông Đà 7,

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ Công ty CP Sông Đà 7

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

•Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Thù lao thành viên ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Đức	Tổng Giám đốc
2	Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Đắc Thành	Phó Tổng Giám đốc

3.1 Tổng Giám đốc: Nguyễn Xuân Đức: Trình bày tại phần 1.3 HĐQT.

3.2 Phó Tổng Giám đốc: Phạm Văn Toàn: Trình bày tại phần 1.2 HĐQT.

3.3 Phó Tổng Giám đốc: Phạm Đắc Thành

Họ và tên : Phạm Đắc Thành

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 12/03/1979

Nơi sinh : TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Số CMND : 113080590 do CA tỉnh Hòa Bình cấp ngày 09/04/2015

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình

Địa chỉ thường trú : Số 18, tổ 13, Phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Điện thoại cơ quan : 0983408666

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng

Quá trình công tác :

- ✓ 3/2005 – 12/2005 : Phòng KTKH Công ty Cổ phần Sông Đà 7
- ✓ 2006 – 4/2010 : Trưởng ban KTKH Xí nghiệp Sông Đà 705
- ✓ 4/2010 – 11/2011 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 705.1
- ✓ 11/2011 – 6/2012 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 705.1
- ✓ 6/2012 – 9/2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sông Đà 705
- ✓ 09/2012 -03/2016 : Phó Giám đốc Chi nhánh Sông Đà 707
- ✓ 03/2016 -05/2016 : Giám đốc Chi nhánh Sông Đà 707
- ✓ 05/2016 -09/2016 : Chỉ huy trưởng Công ty CP Sông Đà 7 thủy điện Lai Châu
- ✓ 09/2016 – đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.

•Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

•Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Tiền lương Phó Tổng Giám đốc

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3.4 **Kế toán trưởng: Phạm Văn Phong**

Họ và tên : Phạm Văn Phong

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 10/10/1971

Nơi sinh : Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên

Số CMND : 033071000403 – Do: Cục cảnh sát QLCT về dân cư - cấp ngày 31/7/2015

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên

Điện thoại cơ quan : 0917626286

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- ✓ 7/2000 – 02/2002 : Nhân viên ban Kinh tế tổng hợp – Chi nhánh Công ty xây dựng Sông Đà 7 tại Sơn La.
- ✓ 3/2002 – 6/2005 : Nhân viên ban Tài chính kế toán – Chi nhánh Công ty xây dựng Sông Đà 7 tại Sơn La.
- ✓ 7/2005 – 10/2006 : Trưởng ban tài chính kế toán – Xí nghiệp Sông Đà 7.07
- ✓ 11/2006 – 8/2008 : Trưởng ban tài chính kế toán – Xí nghiệp Sông Đà 7.03
- ✓ 9/2008 – đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ : 25.021 cổ phần.

•Sở hữu cá nhân : 25.021 cổ phần tỷ lệ: 0,208% vốn điều lệ Công ty

•Được ủy quyền đại diện phần vốn của tổ chức khác: 0 cổ phần.

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác được nhận từ Công ty: Tiền lương Kế toán trưởng

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 xây dựng cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch đồng thời hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ phục vụ cho công tác quản lý và điều hành công ty.

Ngoài ra, Công ty thực hiện xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ theo tinh thần của Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 chủ Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, làm cơ sở cho hoạt động thường xuyên của toàn công ty, bao gồm: quy chế tài chính, quy chế quản lý người đại diện tại doanh nghiệp khác, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,... Xây dựng hệ thống quản trị theo nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan, Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông, Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.

Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính sẽ được củng cố giám sát chặt chẽ các quy trình tài chính kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo thường niên trình cơ quan quản lý đúng thời hạn theo quy định; hệ thống giám sát nội bộ sẽ được củng cố để kiểm soát hoạt động của toàn công ty. Công ty sẽ tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của công ty trên cơ sở kế hoạch đề ra và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được ĐHCĐ/HĐQT công ty thông qua.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Lai Châu, ngày 10. tháng 5. năm 2018

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN XUÂN ĐỨC

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**



ĐẶNG MINH QUANG